

Ngày 30/06/2025	4,370 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.1%	-12.1%	3.3%

	Q2/25	
ROE	1.0%	+/- YoY ▲ 1.5%

	Q2/25		
DT thuần	539	QoQ ▲ 24.0	YoY ▲ 71.0
		▲ 4.6%	▲ 15.1%
	tỷ VNĐ		

	6T 2025	
DT thuần	1,054	YoY ▲ 177
		▲ 20.2%
	tỷ VNĐ	

	Q2/25		
LN gộp	99.3	QoQ ▼ 27.7	YoY ▲ 5.30
		▼ 21.8%	▲ 5.7%
	tỷ VNĐ		

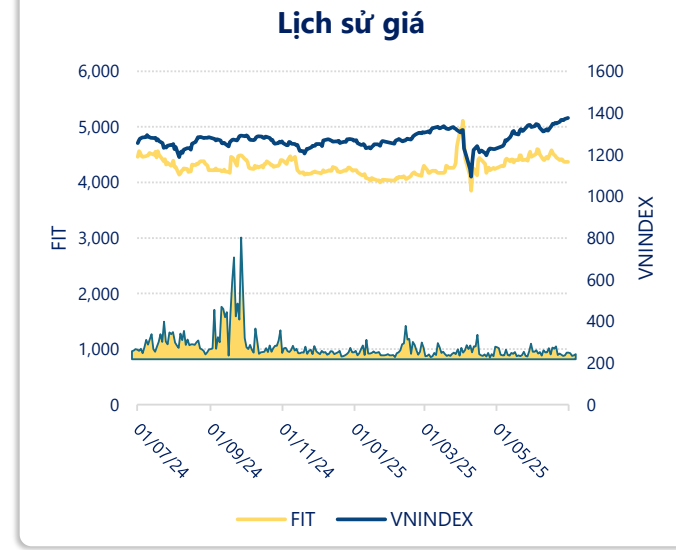
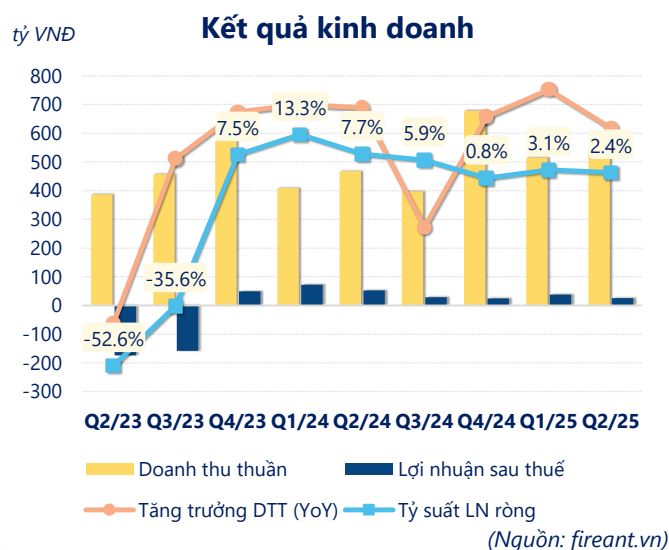
	6T 2025	
LN gộp	226	YoY ▲ 38.0
		▲ 20.3%
	tỷ VNĐ	

	Q2/25		
LN thuần	35.4	QoQ ▼ 28.6	YoY ▼ 17.2
		▼ 44.7%	▼ 32.7%
	tỷ VNĐ		

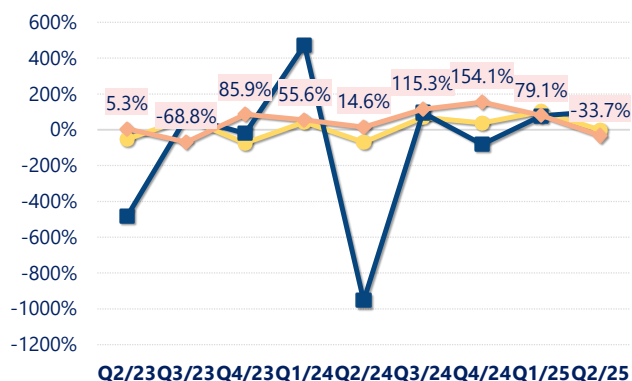
	6T 2025	
LN thuần	99.4	YoY ▼ 36.6
		▼ 27.1%
	tỷ VNĐ	

	Q2/25		
LN sau thuế	25.0	QoQ ▼ 12.5	YoY ▼ 27.4
		▼ 33.4%	▼ 52.3%
	tỷ VNĐ		

	6T 2025	
LN sau thuế	62.5	YoY ▼ 61.5
		▼ 49.8%
	tỷ VNĐ	



Tăng trưởng lợi nhuận

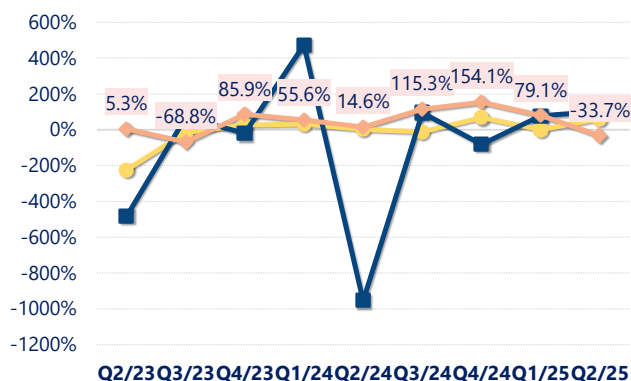


Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

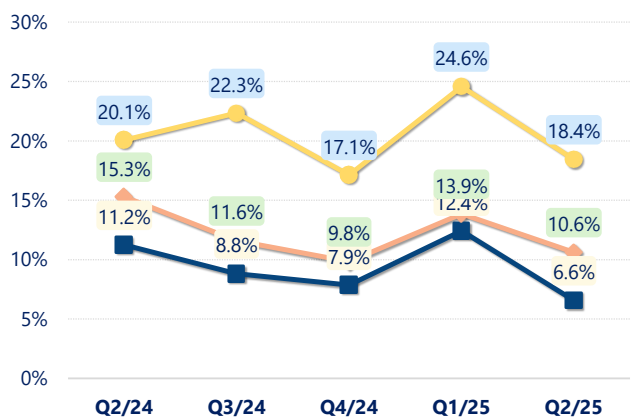


Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

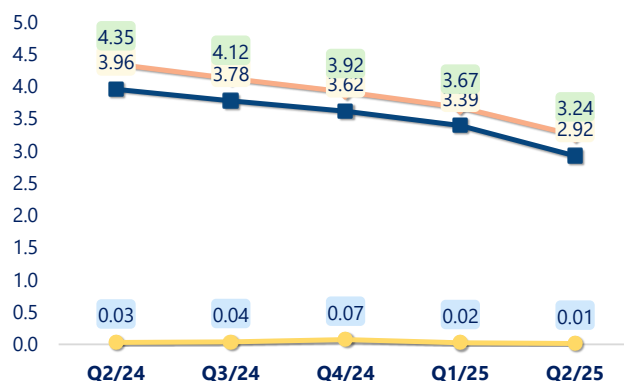


Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

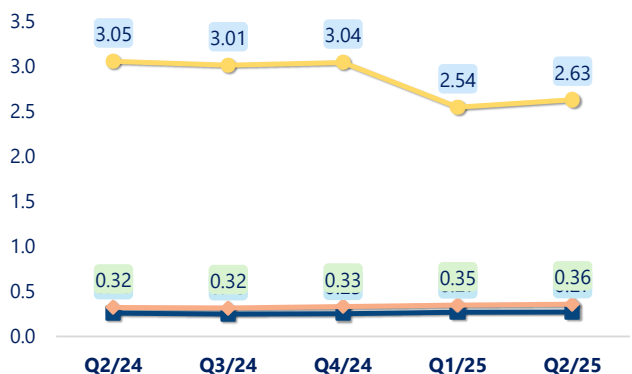


Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

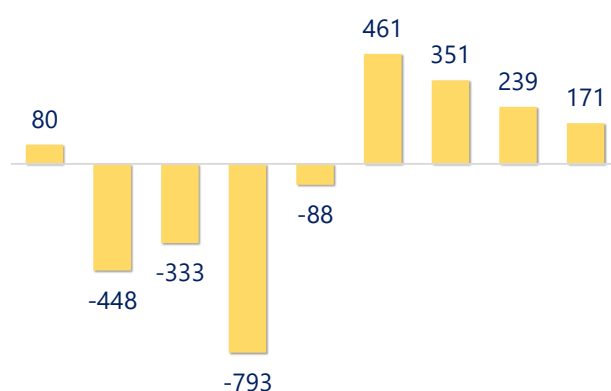


Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	539	468	15.1%	1,054	877	20.2%
Giá vốn hàng bán	439	374	17.5%	828	689	20.1%
Lợi nhuận gộp	99.3	94.0	5.7%	226	188	20.3%
Doanh thu HĐTC	50.3	61.6	-18.4%	98.5	143	-31.2%
Chi phí TC	23.5	11.2	109%	41.9	27.3	53.8%
Chi phí lãi vay	21.6	11.6	86.4%	38.8	27.1	43.5%
LN trong công ty LKLD	-1.04	-2.71	61.6%	-3.35	-5.00	33.0%
Chi phí bán hàng	34.5	34.7	-0.5%	68.9	61.6	11.9%
Chi phí QLDN	55.2	54.4	1.5%	111	101	10.0%
LN thuần từ HĐKD	35.4	52.6	-32.7%	99.4	136	-27.1%
Lợi nhuận khác	0.21	7.39	-97.2%	-9.63	1.66	-681%
LN trước thuế	35.6	60.0	-40.7%	89.8	138	-35.0%
Lợi nhuận sau thuế	25.0	52.4	-52.3%	62.5	124	-49.8%
LNST của CĐ cty mẹ	13.0	36.0	-64.0%	29.2	90.2	-67.7%

(Nguồn: fireant.vn)

